

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THÀNH AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THÀNH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH AN COMMERCIAL SERVICES AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109703113

**3. Ngày thành lập:** 13/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đường Thanh Trì, thôn Cộng Hòa, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988435945

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                    | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                              | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                         | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                             | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                  | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                   | 4223        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                               | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                | 4321        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                | 4322        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, văn phòng.                                                                                     | 7730        |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.<br>(Không bao gồm: Đại lý chứng khoán, bảo hiểm, môi giới tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động bán đấu giá tài sản) | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;</li> <li>- Nhận ủy thác mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299 |
| 15. | <p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.</li> </ul> | 4752 |
| 16. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4753 |
| 17. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.</li> </ul>                                     | 4759 |
| 18. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4659 |
| 19. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Loại trừ kim loại vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4662 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. | 4663 |
| 21. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 22. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở<br>- Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở<br>- Kinh doanh bất động sản khác.                                            | 6810 |
| 23. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất.                                                                                                                                                                                                                                                | 6820 |
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7110 |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5510 |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5610 |
| 27. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5621 |
| 28. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5630 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG THÀNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/11/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001081015900*

Ngày cấp: *06/11/2018*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Cộng Hòa, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Cộng Hòa, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội